

Bản án số: 18/2016/HSPT
Ngày 19/01/2016

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Dương Thị Tuyết Thanh**
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Hòa
Bà Phạm Thị Liễu
- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Thị Út
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:*
Ông Đào Ngọc Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2015/HSPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 đối với bị cáo Tần In M, Giàng A T, Giàng A D bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2015/HSST ngày 24/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

** Các bị cáo bị kháng nghị:*

1. **Giàng A T**; tên gọi khác: Giàng A L; sinh năm: 1950; nơi ĐKNKTT: bản V, xã B, huyện N, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở trước khi bị bắt: Cung 49, Quốc lộ 12 thuộc bản C, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: không biết chữ; nghề nghiệp: trồng trọt; con ông Giàng A X, đã chết; con bà Thào Thị P, đã chết; bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Vàng Thị Đớ, sinh năm 1967; có 06 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2015 cho đến nay tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện S, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Giàng A D**; tên gọi khác: không; sinh năm: 1970; nơi ĐKNKTT: bản N, xã B, huyện N, tỉnh Lai Châu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: không biết chữ; nghề nghiệp: trồng trọt; con ông Giàng Nỏ C, đã chết; con bà Vàng Thị S, đã chết; bị cáo có 06 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; vợ: Thào Thị C, sinh năm 1973; có 09 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2015 cho đến nay tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện S, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Tần In M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người phiên dịch cho các bị cáo Giàng A T, Giàng A D: ông Giàng A Sinh, sinh năm 1990; trú tại: tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30/5/2015 Giàng A T đang ở lán nương tại Cung 49, quốc lộ 12 thuộc bản L, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu thì có Giàng A D đến chơi. Thống nói là T không có xe, nhờ D lấy xe mô tô biển kiểm soát 25B1 – 08720 của D chở T lên thị trấn S để mua Hêrôin về sử dụng, T sẽ chịu toàn bộ chi phí đi lại và sẽ trả công cho D bằng Hêrôin để sử dụng, D đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày T và D đến đầu cầu treo thuộc bản H, xã P, huyện S, T đưa điện thoại của T cho D để D tìm số điện thoại của Tần In M. Sau khi liên lạc được với Tần In M, D đưa điện thoại cho T để T nói chuyện với M hỏi mua Hêrôin với giá 2.000.000đồng, T đồng ý mua, còn D đứng cách M và T khoảng 03m. Sau đó M quay về nhà còn T, D lên xe đi về Km 15, tỉnh lộ 128 thuộc bản C, xã T, huyện S thì gặp lực lượng Công an huyện S yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Trong lúc D đang lấy giấy tờ ra thì T ở đằng sau xe ngồi xuống vệ đường lấy gói Hêrôin ra thả xuống rồi dùng viên đá đè lên thì bị lực lượng Công an huyện S phát hiện yêu cầu T nhặt lên giao nộp. Cơ quan công an huyện S đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ gói Hêrôin có trọng lượng 5,19gam. Tại cơ quan điều tra Giàng A T, Giàng A D khai nhận gói Hêrôin bị thu giữ là do mua của Tần In M ở bản H, xã, huyện S. Tại cơ quan điều tra Tần In M khai nhận khoảng 12 giờ ngày 30/5/2015 M có bán cho T và D 01 gói Hêrôin có trọng lượng 5,19gam. Ngoài ra M còn khai nhận vào ngày 02/4/2015 bán cho Nguyễn Đức K, sinh năm 1958, trú tại khu 3, thị trấn S, huyện S 03 gói nhỏ Hêrôin có tổng trọng lượng 2,45gam gói thứ nhất: 0,15gam có hàm lượng hêrôin là 23,95%; gói thứ hai: 0,15gam có hàm lượng hêrôin là 24,07%; gói thứ ba: 2,15gam có hàm lượng hêrôin là 24,35% trên đường về nhà K đã bị Công an huyện S phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ 03 gói hêrôin.

Tại biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng lấy mẫu vật đi giám định ngày 31/5/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S xác định gói chất bột khô vón cục màu trắng thù giữ của Giàng A D, Giàng A T ngày 30/5/2015 có trọng lượng 5,19gam.

Tại bản kết luận giám định số 309/GĐ-KTHS ngày 08/6/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Mẫu chất bột khô màu trắng, vón cục thu giữ của Giàng A T, Giàng A D gửi đến giám định là chất ma túy có chứa thành phần của hêrôin. Hàm lượng phần trăm trong mẫu vật gửi đến giám định là 21,43%; căn cứ vào kết quả giám định hàm lượng ma túy Tòa án cấp sơ thẩm xác định trọng lượng ma túy mà bị cáo Giàng A T, Giàng A D tàng trữ và bị cáo Tần In M mua bán là $5,19g \times 21,43\% = 1,11gam$ hêrôin.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Tân In M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, h, p khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự và các bị cáo Giàng A T, Giàng A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự.

Với hành vi trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2015/HSST ngày 24/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Áp dụng điểm b, p khoản 2 điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 51; khoản 2 điều 61 Bộ luật hình sự xử phạt Tân In M 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 08 năm 11 tháng 24 ngày tù tại bản án số 30/2013/HSST ngày 01/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện T. Tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù tại bản án số 60/2015/HSST của Tòa án nhân dân huyện S; bị cáo phải chấp hành 16 năm 05 tháng 24 ngày tù, được trừ đi 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 16 năm 05 tháng 15 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự; điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Giàng A T 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2015

Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự; điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Giàng A D 04 năm tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2015

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 07/12/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện S có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KN, kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 60/2015/HSST ngày 24/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng chuyển khung hình phạt từ khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự lên điểm h khoản 2 điều 194 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Giàng A T, Giàng A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa sau khi phân tích đánh giá hành vi của bị cáo cũng như các tình tiết, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện S, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Giàng A T và bị cáo Giàng A D.

Các bị cáo Giàng A T, Giàng A D khai nhận tội và xin được giữ nguyên mức hình phạt.

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu thu thập được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Trong tháng 4 và tháng 5 năm 2015 Tần In M đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép hêrôin cho Nguyễn Đức K và Giàng A T, Giàng A D.

Lần thứ nhất khoảng 12 giờ ngày 02/4/2015 Tần In M đã bán cho Nguyễn Đức K 03 gói nhỏ hêrôin có tổng trọng lượng 2,45gam (gói thứ nhất: 0,15gam có hàm lượng hêrôin là 23,95%; gói thứ hai: 0,15gam có hàm lượng hêrôin là 24,07%; gói thứ ba: 2,15gam có hàm lượng hêrôin là 24,35%). Khinh cất giấu hêrôin trong người đem về đến đoạn đường B1 thuộc khu 1, thị trấn S, huyện S thì bị Công an huyện S phát hiện bắt quả tang.

Lần thứ hai: khoảng 12 giờ ngày 30/5/2015 Tần In M bán cho Giàng A T, Giàng A D 01 gói hêrôin có trọng lượng 5,19gam có hàm lượng hêrôin là 21,43%. Giàng A T, Giàng A D cất giấu 5,19gam có hàm lượng hêrôin là 21,43% = 1,11gam nhằm mục đích để sử dụng.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện S thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo Giàng A T và bị cáo Giàng A D đã mua 5,19gam chất bột khô vón cục màu trắng. Tại bản kết luận giám định số 309/GĐ-KTHS ngày 08/6/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Mẫu chất bột khô màu trắng, vón cục thu giữ của Giàng A T, Giàng A D gửi đến giám định là chất ma túy có chứa thành phần của hêrôin. Hàm lượng phần trăm trong mẫu vật gửi đến giám định là 21,43%. Như vậy, trọng lượng hêrôin tinh chất có trong tang vật của vụ án này là $5,19g \times 21,43\% = 1,11gam$ hêrôin. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự; điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Giàng A T 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo Giàng A D 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng tính chất, mức độ, hành vi tội phạm của các bị cáo. Vì vậy, không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo D như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

Căn cứ điểm a khoản 2 điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-KN ngày 07/12/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu và giữ nguyên bản án sơ thẩm 60/2015/HSST ngày 24/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu đối với các bị cáo Giàng A T, Giàng A D như sau:

Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự; điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Giàng A T 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2015

Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự; điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Giàng A D 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2015.

2. Về án phí: Các bị cáo Giàng A T, Giàng A D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/01/2016).

Nơi nhận

- VKSND tỉnh (P7);
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Tuyết Thanh

Thẩm phán

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/11/2015.

Kết quả biểu quyết:

Thẩm phán	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa	Thẩm phán
------------------	--	------------------

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh số 10/2009/UBNTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Hoàng Thị Liên, Tần Thị Mùi mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với các bị cáo.

Các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân
